

Môn học : Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - MH1104228

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110422801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	1Ch	8,3	Tám, ba	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	P	8,8	Tám, tám	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hanh	8,0	Tám	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Hân	8,0	Tám	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Hoa	8,4	Tám, bốn	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	7,0	Bảy	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Xinh	7,0	Bảy	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	anh	7,0	Bảy	
9	2410120007	Vũ Đức	Ly	23/04/2006	C26TC	Ly	8,0	Tám	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	Nguyet	7,0	Bảy	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	Nh	7,5	Bảy, năm	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nh	8,0	Tám	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	6,0	Sáu	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyền	04/08/2006	C26TC	Quy	8,8	Tám, tám	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuan	8,8	Tám, tám	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	8,0	Tám	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thu	6,8	Sáu, tám	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Thy	6,9	Sáu, chín	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Minh	7,0	Bảy	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Tram	8,0	Tám	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	Trinh	06/10/2006	C26TC	Trinh	8,0	Tám	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	Trinh	8,0	Tám	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Thuc	7,0	Bảy	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	7,5	Bảy, năm	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	7,5	Bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Phan Thị Ngọc





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - MH1104228

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110422801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	ICy	7,5	Bảy, năm	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	P	8,3	Tám, ba	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Haut	7,3	Bảy, ba	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Hân	7,3	Bảy, ba	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Hoa	8,1	Tám, một	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	7,0	Bảy	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Linh	6,5	Sáu, năm	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	Ánh	6,8	Sáu, tám	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Trúc	8,0	Tám	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	Nguyet	6,9	Sáu, chín	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yên	Nhi	05/11/2006	C26TC	Nh	7,0	Bảy	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yên	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nh	7,5	Bảy, năm	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	P	6,0	Sáu	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Quyên	8,3	Tám, ba	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuận	8,3	Tám, ba	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thùy	8,0	Tám	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thư	6,3	Sáu, ba	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	T	6,4	Sáu, bốn	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Tien	6,9	Sáu, chín	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Trâm	8,0	Tám	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trình	06/10/2006	C26TC	Trình	8,0	Tám	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC	Trình	8,0	Tám	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Trúc	6,8	Sáu, tám	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	6,4	Sáu, bốn	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Nguyễn



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - MH1104228

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110422801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 14/11/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006		1	2,0	Hai	C26TC	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006		1	7,0	Bảy	C26TC	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006		1	6,0	Sáu	C26TC	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006		1	6,0	Sáu	C26TC	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006		1	6,1	Sáu, một	C26TC	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003		1	5,0	Năm	C26TC	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006		1	6,9	Sáu, chín	C26TC	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006		1	9,9	Chín, chín	C26TC	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006		1	4,0	Bốn	C26TC	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000		1	1	1	C26TC	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006		1	8,1	Tám, một	C26TC	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006		1	7,7	Bảy, bảy	C26TC	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004		1	6,3	Sáu, ba	C26TC	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006		1	5,8	Năm, tám	C26TC	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006		1	4,6	Bốn, sáu	C26TC	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006		1	9,2	Chín, hai	C26TC	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006		1	5,3	Năm, ba	C26TC	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005		1	4,6	Bốn, sáu	C26TC	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006		1	5,0	Năm	C26TC	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006		1	4,0	Bốn	C26TC	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006		1	9,1	Chín, một	C26TC	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006		1	5,8	Năm, tám	C26TC	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006		1	4,3	Bốn, ba	C26TC	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006		1	4,6	Bốn, sáu	C26TC	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006		1	4,4	Bốn, bốn	C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

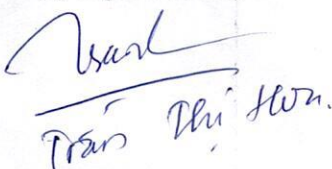
Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: 24 / 24.

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 95,8%

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

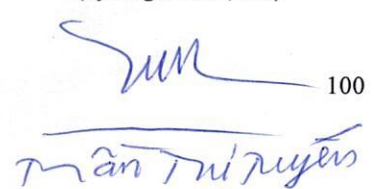
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Huyền

Ngày 24 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Huyền